

Thực trạng và giải pháp phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

TRẦN VĂN HÙNG

Ngành công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong thời gian vừa qua, với số lượng cơ sở chế biến gỗ lớn nhất và có tốc độ tăng nhanh nhất cả nước. Sự phát triển của ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ được ghi nhận qua việc gia tăng số lượng cơ sở chế biến, đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn tồn tại những khó khăn thách thức gây ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành. Trên cơ sở nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Lâm nghiệp, bài viết đề cập đến thực trạng ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ, phân tích những thuận lợi khó khăn của ngành và đề xuất một số giải pháp khuyến nghị góp phần phát triển ngành chế biến gỗ của Vùng

Từ khóa: Chế biến gỗ, vùng Đông Nam Bộ, đa dạng hóa sản phẩm, kim ngạch xuất khẩu.

1. Đặt vấn đề

Với nhiều điều kiện thuận lợi về mặt tự nhiên, vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, nguồn lao động dồi dào... vùng Đông Nam Bộ đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều ngành nghề phát triển, trong đó có ngành công nghiệp chế biến gỗ. Trong số các doanh nghiệp chế biến gỗ của cả nước, vùng Đông Nam Bộ có 2.324 doanh nghiệp, chiếm gần 60% so với cả nước, tập trung nhiều nhất là Đồng Nai, Bình Dương và TP.HCM. Hiện cả nước có 4 khu công nghiệp chế biến gỗ thì vùng Đông Nam Bộ đã có 3 khu công nghiệp đóng ở TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương. Trong những năm qua ngành công nghiệp chế biến gỗ của Vùng đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, không ngừng tăng nhanh về số lượng, chất lượng và chủng loại sản phẩm. Các sản phẩm gỗ của Vùng không chỉ có uy

tín và tiêu thụ trong nước mà được tiêu thụ ở nhiều quốc gia trên thế giới với hơn 3.000 mặt hàng sản phẩm các loại góp phần đưa VN trở thành một trong năm nước có giá trị xuất khẩu đồ gỗ lớn nhất thế giới. Ngành chế biến gỗ của Vùng đã có nhiều đóng góp cho xã hội, mang lại nguồn thu nhập cho đất nước đặc biệt là nguồn thu ngoại tệ, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động ở các vùng trong cả nước góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, đem lại giá trị kim ngạch xuất khẩu cao, kéo theo sự phát triển của nhiều ngành công nghiệp phụ trợ khác. Tuy nhiên, sự phát triển của ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ trong thời gian vừa qua cũng đã bộc lộ nhiều yếu kém và sự phát triển mang tính thiếu bền vững. Do đó, việc đánh giá thực trạng ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ, phân tích những thuận lợi và khó

khăn của ngành. Trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp khuyến nghị góp phần phát triển ngành chế biến gỗ của Vùng là thực sự cần thiết.

2. Thực trạng ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

2.1. Về quy mô và sự phân bố của ngành

Đông Nam Bộ là vùng có số lượng cơ sở chế biến gỗ lớn nhất và có tốc độ tăng nhanh nhất cả nước. Năm 2013 toàn Vùng có 2.324 doanh nghiệp, chiếm 59,95% tổng số cơ sở chế biến gỗ của cả nước, chiếm 74,32% trong tổng số các doanh nghiệp chế biến gỗ của miền Nam. So với năm 2010 số lượng cơ sở chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ tăng 528 doanh nghiệp tức tăng 29,39% và so với năm 2005 tăng 3,88 lần. Các nhà máy chế biến gỗ, sản xuất giấy, các nhà máy băm dăm mảnh có quy mô lớn tập trung

chủ yếu tại Đông Nam Bộ. Trong đó, Bình Dương có 848 cơ sở chế biến gỗ, chiếm 36,49% tổng số cơ sở chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ, tiếp theo là tỉnh Đồng Nai có 618 cơ sở chế biến gỗ chiếm 26,59% của toàn Vùng và TP.HCM có 345 cơ sở chiếm 14,85% số cơ sở chế biến gỗ của toàn Vùng. Đây là 3 tỉnh, thành phố có quy mô các cơ sở chế biến gỗ lớn nhất vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Trong tổng số các cơ sở chế biến gỗ, Bình Dương có 370 cơ sở chế biến quy mô lớn (từ 20 tỷ đồng trở lên), trong đó có 50% là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Đồng Nai có 219 cơ sở quy mô lớn, trong đó có 50 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. TP.HCM có 109 doanh nghiệp chế biến quy mô lớn, trong đó doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 38 doanh nghiệp

Các cơ sở chế biến gỗ ở Bình Dương tập trung chủ yếu ở các huyện Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên, Thuận An, Thủ Dầu Một; ở Đồng Nai tập trung chủ yếu ở Biên Hòa, Trảng Bom, Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu; ở TP.HCM rải rác khắp các quận huyện chủ yếu quận 9, Tân Bình, quận 7, quận 12, Củ Chi, Hóc Môn. Thời gian vừa qua, trong Vùng đã xuất hiện nhiều doanh nghiệp chế biến gỗ có quy mô lớn (>100 tỷ) với công nghệ và thiết bị tiên tiến điển hình như công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Trường Thành, gồm 14 công ty con và 2 công ty liên kết trải dài từ Phú Yên, Đắk Lắk, Bình Dương đến TP.HCM với 5 các nhà máy chế biến gỗ và công ty trồng rừng, trung tâm huấn luyện đào tạo, sử dụng 6.500 lao động với nhà máy được đầu tư công nghệ thiết bị hiện đại.

Bảng 1: Quy mô và sự phân bố các doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

Tỉnh, thành phố	Năm 2000		Năm 2005		Năm 2010		2013	
	Số DN	Cơ cấu (%)	Số DN	Cơ cấu (%)	Số DN	Cơ cấu (%)	Số DN	Cơ cấu (%)
vùng Đông Nam Bộ	254	100	476	100	1796	100	2,324	100
Bình Dương	76	29.92	102	21.43	613	34.13	848	36.49
Đồng Nai	98	38.58	123	25.84	586	32.63	618	26.59
TP.HCM	38	14.96	95	19.96	272	15.14	345	14.85
Các tỉnh còn lại	42	16.54	156	32.77	325	18.10	513	22.07

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê Đồng Nai, Bình Dương, TP.HCM

Bảng 2: Diễn biến về số lượng doanh nghiệp chế biến gỗ theo quy mô vốn của vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2000 – 2013

Năm	Tổng số doanh nghiệp	Dưới 1 tỷ đồng	Từ 1 tỷ đến dưới 20 tỷ đồng	Từ 20 tỷ đến dưới 100 tỷ đồng	Trên 100 tỷ đồng
2000	254	69	62	74	49
2001	274	74	67	79	53
2002	302	82	74	88	59
2003	353	95	87	102	69
2004	397	107	97	115	77
2005	476	129	117	138	93
2006	809	218	199	235	157
2007	1214	328	298	352	236
2008	1350	365	331	392	263
2009	1620	437	398	470	315
2010	1796	485	441	521	349
2011	1886	509	463	547	367
2012	2021	546	496	586	393
2013	2324	627	571	674	452

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục thống kê

2.2. Nguồn vốn

Vốn đầu tư một doanh nghiệp vừa biểu hiện quy mô sản xuất theo bề rộng đồng thời thể hiện trình độ trang bị kỹ thuật, công nghệ và quản lý. Căn cứ quy mô vốn, cơ cấu doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ thể hiện tại Bảng 2.

Các doanh nghiệp chế biến gỗ có quy mô nhỏ của Vùng (dưới 1 tỷ đồng) vẫn còn chiếm tỷ lệ

cao 27% trong tổng số các doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ. Các doanh nghiệp này có quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ lạc hậu, chủ yếu là gia công cho các công ty lớn. Đây là các cơ sở quy mô hộ gia đình, hợp tác xã, cơ sở chế biến gỗ quy mô siêu nhỏ có vốn nhỏ hơn 1 tỷ đồng. Các cơ sở này chủ yếu đóng tại các vùng nông thôn, sản xuất các

Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu (KNXK) sản phẩm gỗ vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2000 - 2013
Đơn vị tính: Triệu USD

Năm	2000	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
KNXK của Vùng	98,55	1124,64	1448,25	1827,19	1969,27	1952,60	2603,73	3065,40	3654,22	4118,00
KN XK cả nước	219	1562	1931	2503	2654	2628	3435	3930	4661	5370
Tỷ trọng (%)	45,00	72,00	75,00	73,00	74,20	74,30	75,80	78,00	78,40	76,69

Nguồn: Tổng cục Thống kê; Cục Thống kê Đồng Nai, Bình Dương, TP.HCM

sản phẩm mộc phục vụ nhu cầu tiêu dùng của địa phương với máy móc lạc hậu và phụ thuộc chủ yếu vào lao động thủ công. Việc sản xuất đồ gỗ tại các cơ sở trong các làng nghề rất phổ biến ở VN nói chung. Những sản phẩm gia đình này có những lợi thế lớn vì hầu hết các công đoạn sản xuất đều được thực hiện bởi những người có tay nghề cao. Họ sử dụng những máy móc rất đơn giản nên đây cũng là nhược điểm vì rất khó để họ thực hiện được các đơn đặt hàng lớn.

Các doanh nghiệp có quy mô lớn với mức vốn trên 100 tỷ đồng chiếm tỷ lệ còn thấp khoảng 12%. Đây là các công ty cổ phần từ các doanh nghiệp nhà nước như: Công ty cổ phần lâm sản miền Nam, Công ty cổ phần giấy Tân Mai, Công ty cổ phần chế biến lâm sản Thuận An và các công ty của tư nhân như Công ty gỗ Trường Thành, Công ty gỗ Đức Thành, v.v.. Đây là những doanh nghiệp có quy mô vốn lớn, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và có kinh nghiệm sản xuất. Hầu hết các sản phẩm của họ đều hướng đến xuất khẩu ra nước ngoài.

Trên thực tế, phần lớn sản phẩm gỗ của Vùng được sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng nước ngoài. Vì vậy, công nghiệp chế biến gỗ của Vùng hiện nay cơ bản được coi là một ngành gia

công phục vụ thị trường thế giới. Nguyên nhân chủ quan là do bản thân các doanh nghiệp chế biến gỗ của Vùng chưa thật sự đủ năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

2.3 Về tình hình tiêu thụ sản phẩm

Trong những năm qua, ngành chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ của Vùng đã có những bước phát triển vượt bậc, với kim ngạch xuất khẩu luôn tăng trưởng cao. Năm 2000 kim ngạch xuất khẩu của ngành chế biến gỗ của Vùng đạt 98,55 triệu USD thì đến năm 2005 đạt 1.124,64 triệu USD, năm 2010 đạt 2.603,73 triệu USD, năm 2013 đạt 4.118 triệu USD tăng 58,15% so với năm 2010 và tăng 2,66 lần so với năm 2005. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của vùng Đông Nam Bộ chiếm tỷ trọng trên 75% so với kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Theo đó, sản phẩm gỗ đã trở thành một trong những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Vùng.

Trong tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Vùng phải kể đến kim ngạch xuất khẩu gỗ của Bình Dương, luôn chiếm vị trí hàng đầu của vùng Đông Nam Bộ và chiếm 45% kim ngạch xuất khẩu của cả nước (khoảng 2416,5 triệu USD). Tiếp theo là Đồng Nai có kim ngạch xuất khẩu đạt 1.500 triệu USD trong năm 2013, chiếm

27,93 kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Năm 2009, tuy nền kinh tế thế giới gặp khó khăn do ảnh hưởng của năm 2008 nhưng thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ của vùng Đông Nam Bộ vẫn được giữ vững và giảm không đáng kể so với năm 2008 trong khi tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước năm 2009 so với năm 2008 giảm khoảng 9,79%. Hiện nay các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu như đồ gỗ trong nhà và ngoài trời làm từ gỗ tự nhiên, gỗ trồng hoặc gỗ hỗn hợp, gỗ dán và các vật liệu khác được sản xuất. Ngoài ra, khu vực này cũng xuất khẩu một khối lượng lớn vỏ bào và gỗ vụn. Mặc dù đạt được những thành tựu đáng ghi nhận về kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của vùng Đông Nam Bộ, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm gần 45% giá trị kim ngạch xuất khẩu trên và họ chỉ chiếm 16% số lượng doanh nghiệp chế biến gỗ. Điều này cho thấy có một khoảng cách nhất định về quy mô, trình độ và năng lực sản xuất giữa các doanh nghiệp của Vùng và các doanh nghiệp có vốn FDI.

Trong lúc kim ngạch xuất khẩu gỗ của Vùng đạt được những thành công đáng ghi nhận thì tại thị trường nội địa ngành gỗ của Vùng đang bị lấn át bởi các sản phẩm nhập khẩu hoặc sản phẩm sản xuất

theo mẫu mã nhập từ nước ngoài như Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan. Thị trường tiêu thụ nội địa của các doanh nghiệp chế biến gỗ trong Vùng chỉ chiếm từ 9% – 11% trong tổng thu nhập của doanh nghiệp.

2.4. Tình hình nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành chế biến gỗ của vùng Đông Nam Bộ được cung cấp từ hai nguồn chính là trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài. Nguồn nguyên liệu trong nước các doanh nghiệp chế biến gỗ mua trực tiếp từ các đầu nậu/nhà buôn tại các địa phương như Nghệ An, Gia Lai, Kom Tum, Đắk Lắk hoặc các đại lý của họ gần vùng sản xuất của các doanh nghiệp. Ngoài ra, nguồn nguyên liệu trong Vùng còn được các doanh nghiệp mua trực tiếp từ các đại lý cung cấp do khai thác gỗ vườn (chủ yếu là trầm, keo), khai thác từ rừng trồng và khai thác từ gỗ cao su thanh lý tại Vùng chiếm khoảng 10,21%.

Vùng Đông Nam Bộ có số lượng cơ sở sản xuất chiếm 59,95% của cả nước, trong khi đó diện tích rừng sản xuất chỉ chiếm 4,47% của cả nước nên phần lớn lượng nguyên liệu gỗ phục vụ cho chế biến của Vùng phải nhập khẩu từ bên ngoài. Hiện tại tới 80% nguồn nguyên liệu gỗ của Vùng đang phải nhập khẩu, nguồn nguyên liệu gỗ trong nước đang thiếu và chưa có hướng phát triển khả quan. Đây cũng chính là áp lực không nhỏ đối với các doanh nghiệp chế biến gỗ của Vùng, bởi nguyên liệu đang bị phụ thuộc quá lớn vào thị trường nhập khẩu làm tăng giá thành phẩm. Nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài do các doanh nghiệp mua trực tiếp từ các nước như Lào, Campuchia, New Zealand, Nga,

Úc, Nam Phi, Indonesia, Brazil, Chile, v.v. hoặc mua thông qua các đại lý hoặc các doanh nghiệp vừa nhập khẩu gỗ để sản xuất và tiêu thụ hưởng chênh lệch. Việc nhập khẩu nguyên liệu sẽ làm tăng chi phí cho các doanh nghiệp, doanh nghiệp phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu (về thời gian, chất lượng, xuất xứ, tiêu chuẩn, chi phí, v.v.). Bên cạnh đó việc nhập khẩu gỗ từ nước ngoài còn gặp phải khó khăn về nguồn gỗ hợp pháp, về các quy định của các nước như Mỹ và EU đặt ra rất nhiều quy định gắt gao như đạo luật LACEY của Mỹ và FLEGT của EU. Từ 1/4/2014, Myanmar ra chính sách cấm xuất khẩu gỗ tròn từ quốc gia này, điều này chắc chắn ảnh hưởng đến các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ tròn từ Myanmar. Nhìn chung, việc nhập khẩu nguyên liệu gỗ của Vùng gặp phải những khó khăn sau:

- Trong bối cảnh thị trường gỗ thế giới mang tính toàn cầu hoá nên rất nhiều nước trên thế giới thay đổi chính sách về khai thác và xuất khẩu gỗ nguyên liệu. Hiện nay nhiều nước đã ra lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn và hạn chế xuất khẩu gỗ xẻ.

- Thiếu một hệ thống thu thập cập nhật và xử lý thông tin về chế biến, thương mại, thị trường, đối tác, nguyên liệu và sản phẩm gỗ kể cả trong nước và trên thế giới.

- Việc xuất và nhập khẩu gỗ phải được các cơ quan có trách nhiệm xác nhận nguồn gốc gỗ đó được khai thác hợp pháp và cấp chứng chỉ FSC nhưng hiện nay không phải quốc gia nào cũng có tổ chức cấp chứng chỉ FSC.

- Biên độ thời gian rộng, từ lúc ký hợp đồng ngoại thương mua gỗ đến khi bán hàng nội địa hàm chứa nhiều rủi ro như: biến động về giá

cả, tiêu hao nguyên liệu, tăng chi phí quản lý và thay đổi về nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu.

- Nguồn nguyên liệu gỗ nhập khẩu đã đang và phong phú về nguồn gốc, chất lượng và chủng loại, khác biệt về hệ thống đo đạc và hệ thống quy đổi nên phát sinh nhiều rủi ro.

3. Những thuận lợi và khó khăn của ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

3.1. Những thuận lợi

VN nói chung và vùng Đông Nam Bộ nói riêng có chế độ chính trị, kinh tế, xã hội ổn định, có chính sách mở cửa nền kinh tế tạo điều kiện cho ngành chế biến gỗ phát triển, các chính sách về đầu tư phát triển ngành gỗ của Đảng và Nhà nước rất rõ ràng, minh bạch, phù hợp đối với nền kinh tế nói chung và nhất là đối với các doanh nghiệp đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến gỗ, luôn kêu gọi và khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào ngành này

Vùng Đông Nam Bộ có điều kiện tự nhiên và vị trí, giao thông, cơ sở hạ tầng thuận lợi cho việc phát triển ngành chế biến gỗ.

Vùng Đông Nam Bộ có nguồn lao động dồi dào, chi phí nhân công thấp, lao động có tay nghề cao, tạo ra những sản phẩm có chất lượng và giá trị cao. Ngoài ra, nguồn lao động phục vụ ngành chế biến gỗ của Vùng có trình độ, có khả năng tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại trên thế giới.

Quy mô và năng lực của ngành chế biến gỗ của Vùng ngày càng tăng, sản phẩm ngày càng có uy tín và chất lượng, đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường quốc tế.

Suy thoái kinh tế tại châu Âu khiến nhiều nhà máy tại các nước

sản xuất đồ gỗ lớn như Ý, Đức, Mỹ đã thu hẹp sản xuất hoặc đóng cửa.

Một số doanh nghiệp trong Vùng đã tranh thủ được nguồn lực trong nước, kể cả Việt kiều, tạo ra khả năng về tài chính, công nghệ-thiết bị và cơ hội tiếp cận các thị trường lớn như: Mỹ, EU, Nhật, Đài Loan...

Có thị trường tiêu thụ rộng lớn ở trong nước và nước ngoài như Mỹ, EU, Nhật...

Trong Vùng đã hình thành các vùng chế biến gỗ tập trung: Bình Dương - TP.HCM. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi cho việc đầu tư phát triển công nghiệp chế biến gỗ.

Nhà nước đã có định hướng chiến lược phát triển lâm nghiệp VN đến năm 2020 về việc phát triển vùng nguyên liệu gỗ phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến gỗ.

Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực chế biến gỗ đối với vùng Đông Nam Bộ ngày càng tăng. Các nhà đầu tư chủ yếu từ châu Á, đặc biệt là từ Đài Loan, Singapore, Malaysia, Trung Quốc và một số nước khác như Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch và Pháp góp phần thu hút lao động, tạo việc làm, chia sẻ kinh nghiệm, vốn, thiết bị công nghệ chế biến.

Trong Vùng có các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho ngành chế biến gỗ như Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM cơ sở 2 Trường Đại học Lâm nghiệp VN ở Đồng Nai đào tạo ngành công nghệ chế biến lâm sản và các trường cao đẳng, trung cấp nghề cung cấp hàng năm khoảng 500 công nhân hệ chính quy có tay nghề cho cả Vùng.

Ngành lâm nghiệp VN tiếp tục nhận được sự hỗ trợ tài chính to lớn

từ cộng đồng quốc tế đặc biệt cho việc thực hiện sáng kiến REDD+ và FLEGT.

Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 19/2004/CT-TTg về một số giải pháp phát triển ngành chế biến gỗ và xuất khẩu sản phẩm gỗ.

3.2. Một số khó khăn, thách thức

Ngành lâm nghiệp nói chung và ngành chế biến gỗ nói riêng tiếp tục bị ảnh hưởng bởi kinh tế thế giới trên đà phục hồi chậm, tăng trưởng kinh tế của các nước thuộc khu vực đồng tiền chung châu Âu, đặc biệt là một số nước thành viên đang chịu ảnh hưởng của nợ công vẫn còn rất mờ nhạt. Mặc dù có vài dấu hiệu tích cực cho thấy các hoạt động kinh tế đang phục hồi trở lại sau suy thoái nhưng triển vọng kinh tế toàn cầu nhìn chung chưa vững chắc, nhất là đối với các nền kinh tế phát triển.

Nguồn nguyên liệu cung cấp cho ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ hiện đang thiếu trầm trọng, chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài nên làm cho chi phí chế biến gỗ tăng, các doanh nghiệp chế biến gỗ trong vùng không chủ động được nguồn nguyên liệu.

Công nghệ chế biến của các doanh nghiệp trong vùng hiện nay còn thô sơ và mang nặng tính thủ công, các doanh nghiệp chế biến gỗ trong vùng cũng chỉ mới dừng lại ở việc gia công nguyên liệu là chính, máy móc vẫn ở mức trung bình và lạc hậu. Phần lớn dây chuyền thiết bị, máy móc được sản xuất từ Đài Loan, Trung Quốc, chỉ một số ít sản xuất tại Đức, Ý, Nhật, không đáp ứng được yêu cầu của khách hàng lớn và khách hàng đòi hỏi chất lượng cao.

Các doanh nghiệp chế biến gỗ chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, yếu về năng lực quản lý, thiếu

công nhân kỹ thuật, thiếu vốn. Những yếu tố này khiến giá trị gia tăng của sản phẩm gỗ trong vùng chưa đạt mức cao và làm giảm tính cạnh tranh về giá thành.

Ngành chế biến gỗ trong vùng chịu sự cạnh tranh gay gắt của các vùng và các quốc gia khác như Trung Quốc, Đài Loan, Indonesia, Malaysia, Thái Lan... do các nước này có thể cung ứng đủ nguyên liệu gỗ cho các doanh nghiệp của họ mà không cần nhập khẩu. Bên cạnh đó, họ lại mạnh hơn về tài chính cũng như công nghệ, số lượng cơ sở sản xuất, chỉ tính riêng Trung Quốc có đã có trên 50.000 cơ sở sản xuất với hơn 50 triệu nhân công và sản xuất với doanh số gần 20 tỷ USD/năm.

VN và vùng Đông Nam Bộ chưa có các cảng gỗ, chợ gỗ, các nhà máy chuyên xẻ gỗ, cung cấp cho các nhà máy chế biến, chưa có trung tâm nguyên phụ liệu cung ứng các sản phẩm gỗ để các nhà sản xuất chủ động.

4. Một số đề xuất khuyến nghị góp phần phát triển ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

4.1. Về phía Chính phủ

Để khuyến khích các doanh nghiệp chế biến gỗ sản xuất và xuất khẩu, từ năm 1998 Chính phủ VN đã ban hành các văn bản pháp quy liên quan đến xuất khẩu đồ gỗ và nhập khẩu nguyên liệu gỗ thô (Nghị định số 57/1998/ND-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ; Quyết định số 65/1998/QĐ-TTg ngày 24/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 122/1999/TT-BNN-PTLN ngày 27/3/1998 của Bộ NN & PTNT) để quản lý xuất khẩu đồ gỗ sản xuất từ gỗ tự nhiên và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu nguyên liệu cũng như sử dụng tối ưu nguồn gỗ trồng.

Thuế nhập khẩu đối với gỗ nguyên liệu là 0% (gỗ khúc, gỗ xẻ và gỗ ván) và ngày 1/6/2004 Chính phủ đã ban hành chi thị số 19/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp phát triển ngành chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ đã quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, Ban ngành trung ương và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, địa phương, Các Hiệp hội gỗ và lâm sản trong việc phát triển ngành chế biến gỗ và sản phẩm gỗ. Ngoài ra, tác giả đề xuất một số giải pháp đối với Chính phủ như sau:

- Chính phủ cần có một chiến lược phát triển ngành chế biến gỗ lâu dài, tạo ra môi trường thuận lợi cho ngành công nghiệp chế biến gỗ phát triển, xây dựng, bổ sung hệ thống chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến lâm sản phù hợp với các cam kết của VN khi gia nhập WTO, với các nội dung chủ yếu sau:

+ Rà soát toàn bộ hệ thống văn bản pháp quy và các chính sách hiện có từ trung ương đến các địa phương, liên quan ngành chế biến lâm sản; phân tích, đánh giá tác động chủ yếu của hệ thống chính sách hiện tại đối với ngành chế biến lâm sản; đề xuất các khung chính sách cần sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới;

+ Tuyên truyền, chỉ đạo tổ chức tốt các chính sách hiện có, đề xuất xây dựng mới các chính sách sau:

* Chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến gỗ.

* Chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp chế biến gỗ.

* Tổ chức sắp xếp lại các cơ sở chế biến gỗ theo hướng chuyên

môn hoá, hợp tác hoá, đa dạng hoá sản phẩm bằng các công cụ chính sách điều tiết của Nhà nước để thúc đẩy các cơ sở sản xuất nhỏ liên kết chặt chẽ với nhau và với các doanh nghiệp lớn đáp ứng các đơn hàng với khối lượng lớn.

+ Đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động chế biến gỗ, thực hiện các chức năng quy hoạch, định hướng, giám sát, kiểm tra và hướng dẫn, tạo điều kiện, tạo môi trường thuận lợi cho phép các doanh nghiệp chế biến gỗ phát triển sản xuất kinh doanh tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao (chế biến sâu), đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thị trường thế giới.

- Chính phủ cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp VN trực tiếp hợp tác liên kết với chủ rừng để khai thác nguyên liệu gỗ một cách chắc chắn thông qua các hiệp định song phương đã ký kết giữa VN và các nước có rừng. Đồng thời xây dựng một trung tâm hỗ trợ phát triển sản phẩm quốc gia để hỗ trợ việc thiết kế mẫu mã, định hướng thị trường phù hợp.

- Chính phủ cần mở rộng đối tượng hưởng kích cầu hỗ trợ vốn với lãi vay ưu đãi hoặc không tính lãi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại... Ngoài ra, cần có chính sách vay vốn dài hạn cho các doanh nghiệp chế biến gỗ đầu tư cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ, thiết bị..., giúp các doanh nghiệp chế biến gỗ khó tiếp cận với đất và rừng để xây dựng vùng nguyên liệu phù hợp với hoạt động của mình, nâng cao sự cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh việc đẩy mạnh, hiện đại hóa công nghiệp chế biến gỗ quy mô lớn cần từng bước phát triển

và hiện đại hóa công nghiệp chế biến quy mô nhỏ ở các vùng nông thôn và làng nghề truyền thống, góp phần đa dạng hóa kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

- Chính phủ cần sớm thành lập chợ gỗ, sàn giao dịch gỗ nhằm cung cấp thông tin về giá cả thị trường gỗ trong nước và thế giới, các vấn đề về pháp luật khi các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ ra nước ngoài.

Trong thời gian tới Chính phủ cần quy hoạch, tập trung các doanh nghiệp chế biến gỗ thành vùng sản xuất tập trung nhằm giảm chi phí vận chuyển tới cảng và tăng nguồn cung các phụ liệu (vải sợi, bộ phận kim loại, vật liệu hoàn thiện, v.v.).

Xây dựng và thực hiện nhất quán chính sách khuyến khích các cơ sở chế biến gỗ đang hoạt động di dời, đầu tư vào khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Ban hành các quy định chặt chẽ về quản lý môi trường trong công nghiệp chế biến gỗ. Kiểm tra, xử lý nghiêm các nhà máy vi phạm các quy định về xử lý chất thải, bảo vệ môi trường theo pháp luật hiện hành, tạo nên sự cạnh tranh công bằng trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đầu tư, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.

- Chính phủ cần tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, cảng biển, kho bãi và nâng cấp các dịch vụ này đặc biệt là ở vùng Đông Nam Bộ góp phần làm giảm chi phí vận chuyển cho ngành chế biến gỗ. Theo một báo cáo của Đại học Georgetown, Mỹ về chi phí vận chuyển hàng trên biển từ Trung Quốc và VN tới các bang của Mỹ chỉ ra: “Thời gian vận chuyển đường biển và giao hàng từ VN tới Mỹ cho 50 containers là 322.000

USD và mất 17-35 ngày, trong khi đó vận chuyển từ Trung Quốc là 136.000 USD và mất 11 ngày với số lượng tương tự”.

- Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ, Ban ngành có liên quan như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan ...cùng phối hợp hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp chế biến gỗ sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

4.2. Về phía các Hiệp hội gỗ và lâm sản

- Hiệp hội gỗ và lâm sản VN cần củng cố và nâng cao năng lực để thực hiện vai trò hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến gỗ trong công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, nghiên cứu chiến lược sản phẩm, chính sách phát triển, tìm kiếm nguồn vốn đầu tư và liên kết hợp tác trong sản xuất kinh doanh đồ gỗ, ngoài gỗ và làm cầu nối giữa doanh nghiệp với Chính phủ, với các tổ chức liên quan hỗ trợ ngành lâm nghiệp phát triển.

- Hiệp hội cần hỗ trợ hội viên với nhiều hình thức để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành nói chung và của doanh nghiệp nói riêng thông qua sự liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp hội viên bằng các hình thức như tổ chức diễn đàn trao đổi chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ hội viên trong việc chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý; đồng thời thành lập các Website của hiệp hội nhằm truyền tải thông tin khoa học – kỹ thuật, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, thương hiệu của các hội viên. Hiệp hội cũng tổ chức các cuộc hội thảo giao lưu với các hiệp hội ngành nghề trong và ngoài nước để trao đổi kinh nghiệm, kêu gọi các hội viên tham gia các hội

chợ, triển lãm quốc tế, tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn của ngành và tổ chức các chuyến thăm xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

- Hiệp hội cần tập trung hỗ trợ nâng cao năng lực và mở rộng thị trường cho các hội viên trên cơ sở các thị trường mục tiêu được định hướng rõ ràng, đồng thời phối hợp với các cơ quan hoạch định chính sách và quản lý nhà nước, các tổ chức quốc tế để tạo môi trường tốt nhất cho các thành viên từ việc đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào có chất lượng tốt, giá cả hợp lý và hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, quản lý đến xúc tiến thương mại trên cơ sở các thị trường mục tiêu. Bên cạnh đó, Hiệp hội cần có nhiều hoạt động quảng bá hình ảnh sản phẩm và doanh nghiệp ra toàn thế giới và khu vực. Đồng thời giúp các doanh nghiệp bảo hộ bản quyền thương hiệu sản phẩm ở trong và ngoài nước.

- Hiệp hội cần khảo sát nắm bắt tình hình sản xuất của các doanh nghiệp sản xuất để tìm hiểu khó khăn, trở ngại của từng doanh nghiệp, từ đó tìm hướng giúp đỡ và kiến nghị lên các cấp lãnh đạo những vấn đề quan trọng.

- Tăng cường sự đoàn kết giữa các thành viên trong hiệp hội và đẩy mạnh xúc tiến thương mại bằng các hình thức như tổ chức hội chợ thương mại, festival ngành hàng gỗ nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm v.v

4.3. Về phía các doanh nghiệp

- Các doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ cần nâng cao năng lực sản xuất và chế biến của mình vì đa phần là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ xét trên góc độ vốn. Số lượng các doanh nghiệp có quy mô vốn lớn trên 100 tỷ đồng

trở lên chỉ chiếm 1,4% (không tính các doanh nghiệp FDI), còn lại hơn 90% là các doanh nghiệp có quy mô vốn nhỏ hơn 20 tỷ đồng.

- Để mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thì các doanh nghiệp chế biến gỗ của Vùng cần chủ động tìm kiếm đối tác trong và ngoài ngành để liên doanh liên kết nhằm chia sẻ các đơn hàng, giảm bớt chi phí mua nguyên vật liệu, chi phí tiêu thụ sản phẩm hoặc thông qua các tổ chức tín dụng để tranh thủ nguồn hỗ trợ từ các gói hỗ trợ của Chính phủ. Các doanh nghiệp cần chủ động tìm kiếm và hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tranh thủ sự ủng hộ về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý v.v

- Các doanh nghiệp nhà nước hay doanh nghiệp lớn trong ngành tiến tới chủ động tiến hành việc sát nhập, hợp nhất những doanh nghiệp dẫn đầu ngành thành một mối liên kết lớn. Còn các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ trở thành các đơn vị vệ tinh cho các công ty lớn nhằm tạo thành sức mạnh liên kết to lớn trong sản xuất chế biến và tiêu thụ gỗ của vùng Đông Nam Bộ.

- Các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa cần tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, kêu gọi sự đầu tư góp vốn của các tổ chức trong và nước để hình thành những tập đoàn kinh tế đủ tiềm lực cạnh tranh trên thế giới.

- Các doanh nghiệp cần đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, không gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời tăng cường cập nhật thông tin về các thiết bị công nghệ mới để lựa chọn công nghệ, máy móc thiết bị phù hợp phục vụ cho sản xuất.

(Tiếp theo trang 92)